

**CÔNG TY TNHH HANDMADE HAVEN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH HANDMADE HAVEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HANDMADE HAVEN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110891415

**3. Ngày thành lập:** 18/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 134 Đường Tỉnh lộ 419, Thôn 1, Xã Quảng Bị, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912694491

Fax:

Email: ks.ngocgiang90@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                          | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sợi                                                                                                                       | 1311     |
| 2.  | Sản xuất vải dệt thoi                                                                                                              | 1312     |
| 3.  | Hoàn thiện sản phẩm dệt                                                                                                            | 1313     |
| 4.  | Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác                                                                            | 1391     |
| 5.  | Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)                                                                                             | 1392     |
| 6.  | Sản xuất thảm, chăn, đệm                                                                                                           | 1393     |
| 7.  | Sản xuất các loại dây bện và lưới                                                                                                  | 1394     |
| 8.  | Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu                                                                             | 1399     |
| 9.  | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                     | 1410     |
| 10. | Sản xuất sản phẩm từ da lông thú                                                                                                   | 1420     |
| 11. | Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc                                                                                               | 1430     |
| 12. | Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú                                                                                      | 1511     |
| 13. | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm                                                                     | 1512     |
| 14. | Sản xuất giày, dép                                                                                                                 | 1520     |
| 15. | In ấn<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                   | 1811     |
| 16. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                | 1812     |
| 17. | Sao chép bản ghi các loại                                                                                                          | 1820     |
| 18. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa<br>- Môi giới mua bán hàng hóa<br>(Trừ hoạt động đấu giá) | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                | 4641(Chính) |
| 20. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>(Trừ bán buôn dược phẩm)                                                                                                                                      | 4649        |
| 21. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá và hoạt động nhà nước cấm)                                                                                              | 4669        |
| 22. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                       | 4719        |
| 23. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                     | 4751        |
| 24. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                    | 4771        |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                             | 4772        |
| 26. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ vàng miếng, súng, đạn, tem, và tiền kim khí)                                                                                | 4773        |
| 27. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                            | 4782        |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>(Không bao gồm: -Hoạt động của đấu giá viên,-Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao;-Bán lẻ tem và tiền kim khí;)                            | 4789        |
| 29. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                  | 4791        |
| 30. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                             | 4799        |
| 31. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                      | 7410        |
| 32. | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                    | 8292        |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Giới tính: *Nam*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001090001762

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đạo Ngạn, Xã Hợp Đồng, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đạo Ngạn, Xã Hợp Đồng, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 15/10/1990      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001090001762

Địa chỉ thường trú: *Thôn Đạo Ngạn, Xã Hợp Đồng, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Đạo Ngạn, Xã Hợp Đồng, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội